TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Nghĩa;
2. Bà Phan Thị Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1976; Có mặt.
Địa chỉ: khu phố L, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
- Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1975; Có mặt.
ĐKTT: khu phố L, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Chổ ở: 350 đường B, phường X, thành phố T, Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Phan Thị C, sinh năm 1977; Vắng mặt.
2. Bà Phan Thị T, sinh năm 1965; Vắng mặt.
Đồng địa chỉ: 350 đường B, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
3. Ngân hàng TMCP K; Vắng mặt.
Địa chỉ liên hệ: 97 đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: bà và ông Phan Thanh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường 5, thành phố Tuy Hoà và được cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 30/7/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Thuận không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thanh A, sinh ngày 20/9/1999. Hiện nay cháu A đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống, vợ chồng tạo lập các tài sản gồm:

+ nhà cấp 4 xây dựng diện tích đất (6x22) m toạ lạc tại khu phố L, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên (có giấy viết tay mua bán), hiện nay không còn giữ giấy tờ để cung cấp cho Toà.

+ 01 xe Dream biển số 78F7- 9752.

Còn những tài sản do bà tự vay mượn và sắm sửa riêng khi sống ly thân, ông T không có liên quan gì gồm: 01 bộ salon gỗ; 01 tủ đựng ti vi băng gỗ; 01 ti vi hiệu LG 42inch; 02 tủ lạnh, gồm 01 tủ lạnh hiệu SHARP và 01 tủ lạnh hiệu SANYO; 01 xe mô tô hiệu Airblade biển số 78G1 - 056.05 *(hiện đang thế cháp tại Ngân hàng K)*; 01 chiếc xe Dream *(biển số 78H2-0763)* mua lại của người tên Trần Thị T.

Ly hôn, bà không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Còn đối với tài sản mà bà tự vay mượn sắm sửa thì bà được quyền sở hữu, không liên quan tài sản chung vợ chồng nên không đồng ý chia theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: năm 1999 vợ chồng có vay nợ bà Phan Thị C số tiền 16.000.000đ, đã trả được 2.000.000đ nên hiện nay còn nợ 14.000.000đ; vay nợ bà Phan Thị T số tiền 8.000.000đ và khoản nợ vay 15.000.000đ của Ngân hàng TMCP K. Ngoài ra, không còn khoản nợ chung nào khác. Nay ly hôn, bà L đề nghị mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Phan Thanh T trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị L về thủ tục và thời gian đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, chứ không phải ông không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình như bà L trình bày. Nay bà L xin ly hôn thì ông cũng thống nhất.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thanh A, sinh ngày 20/9/1999. Hiện nay cháu A đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tạo lập được tài sản chung gồm:

+ nhà cấp 4 xây dựng diện tích đất (6x22)m toạ lạc tại khu phố L, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên (có giấy viết tay mua bán);

+ 01 bộ salon gỗ; 01 tủ đựng ti vi bằng gỗ; 01 ti vi hiệu LG 42inch; 02 tủ lạnh, gồm hiệu SHARP và hiệu SANYO; 01 xe Dream biển số 78F7- 9752; 01 xe mô tô hiệu Airblade biển số 78G1 - 056.05; 01 chiếc xe Dream (biển số 78H2-0763) mua lại của người tên Trần Thị T. Do ông không có tiền đóng tạm ứng án phí nên nay ông không yêu cầu Toà án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nữa.

- Về nợ chung: ông thống nhất với lời trình bày của bà L là hiện nay vợ chồng còn nợ bà Phan Thị C 14.000.000đ, nợ bà Phan Thị T 8.000.000đ. Đối với khoản nợ vay 15.000.000đ của Ngân hàng TMCP K thì đó là nợ riêng của bà L, không liên quan gì đến ông. Nay ly hôn, ông và bà L mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên. Ngoài ra, không còn nợ chung nào khác.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C và bà Phan Thị T vắng mặt nên không trình bày.

- Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP K trình bày:

Bà Phan Thị L có vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 15.000.000đ theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A1389279 ngày 30/9/2022, thời hạn vay 120 ngày và có thế chấp xe mô tô hiệu AIRBLADE biển số 78G1-056.65. Tuy nhiên, bà L trả nợ đúng theo thoả thuận hợp đồng nên Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu bà L trả khoản nợ vay cho Ngân hàng khi giải quyết vụ án ly hôn. Đề nghị Toà án không đưa Ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng;

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị tuyên xử: - Về hôn nhân: bà Phan Thị L được ly hôn ông Phan Thanh T; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết; về án phí: bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **I. Về thủ tục tố tụng**: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP K yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Phan Thị C, Phan Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] **II. Về nội dung vụ án:**

[3] Về hôn nhân: bà Phan Thị L và ông Phan Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố Tuy Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 30/7/1998 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không sống chung hơn 01 năm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục. Bà L xin ly hôn và ông T cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

[4] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thanh A, sinh ngày 20/9/1999. Hiện nay cháu A đã trưởng thành và phát triển bình thường nên các bên không yêu cầu giải quyết, do đó Toà án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: nguyên đơn bà Phan Thị L không yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn; còn bị đơn ông Phan Thanh T trình bày vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu chia theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông T không đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung mặc dù được Toà án tống đạt Thông báo nộp tạm ứng án phí hợp lệ. Tại phiên toà, ông T không yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ngân hàng TMCP K có văn bản không yêu cầu giải quyết khoản nợ của bà L khi Toà án giải quyết ly hôn. Bà Phan Thị C và bà Phan Thị T đã được nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến hay yêu cầu giải quyết khoản nợ của vợ chồng bà L, ông T khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nợ chung của vợ chồng. Khi nào đương sự có yêu cầu giải quyết thì khởi kiện vụ án dân sự khác.

[7] **III. Về án phí:** Nguyên đơn bà Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phan Thị L được ly hôn ông Phan Thanh T.

- Về con chung: không giải quyết

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005358 ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường 5, TP.Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nghĩa Phan Thị Oanh Lê Xuân Thu